



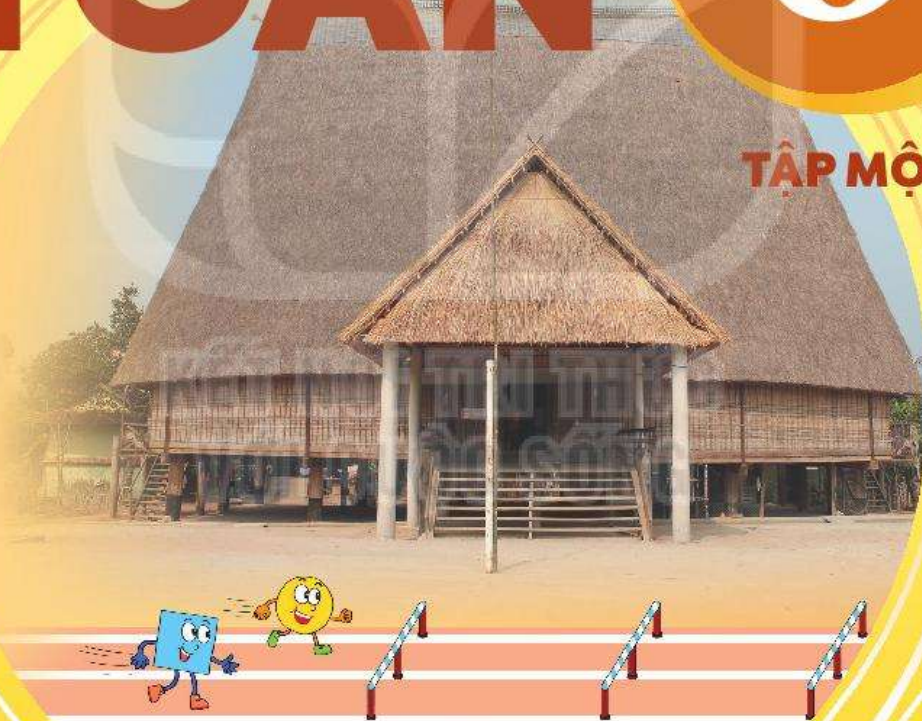
NGUYỄN HUY ĐOAN (Chủ biên)  
NGUYỄN CAO CƯỜNG - ĐOÀN MINH CƯỜNG  
SĨ ĐỨC QUANG - LƯU BÁ THẮNG

# Bài tập

# TOÁN

# 6

**TẬP MỘT**



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN HUY ĐOAN (Chủ biên)  
NGUYỄN CAO CƯỜNG – ĐOÀN MINH CƯỜNG  
SĨ ĐỨC QUANG – LƯU BÁ THẮNG

# Bài tập TOÁN 6

**TẬP MỘT**

KẾT NỐI TRI THỨC  
VỚI CUỘC SỐNG

**NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM**



KẾT NỐI TRI THỨC  
VỚI CUỘC SỐNG

# LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh yêu quý!

Sách **BÀI TẬP TOÁN 6** (Kết nối tri thức với cuộc sống) gồm hai tập, là tài liệu bổ trợ cho sách giáo khoa **TOÁN 6** bộ **Kết nối tri thức với cuộc sống** và được viết bởi cùng một đội ngũ tác giả.

Sách **BÀI TẬP TOÁN 6** được viết theo đúng cấu trúc chương, bài như trong sách giáo khoa nhằm cung cấp cho các em một hệ thống bài tập phong phú, bổ trợ cho sách giáo khoa.

Mỗi bài học đều có phần tóm tắt các kiến thức cần nhớ, các kĩ năng giải toán cùng một vài ví dụ minh họa và phần đề bài tập. Cuối mỗi chương đều có phần câu hỏi (trắc nghiệm) và bài tập ôn tập chương. Cuối sách là phần lời giải, hướng dẫn, đáp số cho các bài tập.

**BÀI TẬP TOÁN 6** vẫn bám sát các yêu cầu của chương trình, đồng thời làm đa dạng thêm các loại bài tập thích hợp với mỗi nội dung trong sách giáo khoa.

**BÀI TẬP TOÁN 6** có những bài tập giúp các em củng cố, phát triển và nâng cao kiến thức đã học.

Một số bài tập trong **BÀI TẬP TOÁN 6** còn cung cấp thêm cho các em những hiểu biết mới, phù hợp với kiến thức của các em, về một vài vấn đề mà các em có thể gặp trong nhiều tài liệu tham khảo toán học.

Với cấu trúc và định hướng như trên, **BÀI TẬP TOÁN 6** sẽ là một tài liệu không thể thiếu cho tất cả các em học sinh sử dụng sách giáo khoa **TOÁN 6** thuộc bộ sách **Kết nối tri thức với cuộc sống**. Chắc chắn **BÀI TẬP TOÁN 6** cũng rất hữu ích cho mọi học sinh lớp 6, dù học theo bất cứ sách giáo khoa nào.

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và tập thể các tác giả chân thành cảm ơn tất cả các giáo viên, học sinh, phụ huynh học sinh và mong nhận được những ý kiến góp ý để sách ngày càng hoàn thiện hơn.

Mọi góp ý xin gửi về Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 81 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

# MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang	
	Đề bài	Lời giải - Hướng dẫn - Đáp số
<b>CHƯƠNG I. TẬP HỢP CÁC SỐ TỰ NHIÊN</b>	5	94
Bài 1. Tập hợp	5	94
Bài 2. Cách ghi số tự nhiên	7	94
Bài 3. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên	11	96
Bài 4. Phép cộng và phép trừ số tự nhiên	14	96
Bài 5. Phép nhân và phép chia số tự nhiên	17	98
Bài 6. Luỹ thừa với số mũ tự nhiên	21	100
Bài 7. Thứ tự thực hiện các phép tính	24	102
Ôn tập chương I	27	103
<b>CHƯƠNG II. TÍNH CHIA HẾT TRONG TẬP HỢP CÁC SỐ TỰ NHIÊN</b>	30	104
Bài 8. Quan hệ chia hết và tính chất	30	104
Bài 9. Dấu hiệu chia hết	33	105
Bài 10. Số nguyên tố	35	106
Bài 11. Ước chung. Ước chung lớn nhất	38	107
Bài 12. Bội chung. Bội chung nhỏ nhất	41	108
Ôn tập chương II	44	110
<b>CHƯƠNG III. SỐ NGUYÊN</b>	47	111
Bài 13. Tập hợp các số nguyên	47	111
Bài 14. Phép cộng và phép trừ số nguyên	50	111
Bài 15. Quy tắc dấu ngoặc	53	112
Bài 16. Phép nhân số nguyên	55	112
Bài 17. Phép chia hết. Ước và bội của một số nguyên	58	113
Ôn tập chương III	60	114
<b>CHƯƠNG IV. MỘT SỐ HÌNH PHẪNG TRONG THỰC TIỄN</b>	63	115
Bài 18. Hình tam giác đều. Hình vuông. Hình lục giác đều	63	115
Bài 19. Hình chữ nhật. Hình thoi. Hình bình hành. Hình thang cân	67	115
Bài 20. Chu vi và diện tích của một số tứ giác đã học	70	115
Ôn tập chương IV	74	116
<b>CHƯƠNG V. TÍNH ĐỐI XỨNG CỦA HÌNH PHẪNG TRONG TỰ NHIÊN</b>	78	118
Bài 21. Hình có trục đối xứng	78	118
Bài 22. Hình có tâm đối xứng	84	119
Ôn tập chương V	90	121

**A KIẾN THỨC CẦN NHỚ**

- Kí hiệu  $x \in A$  ( $x$  thuộc  $A$ ) có nghĩa: " $x$  là một phần tử của tập hợp  $A$ ". Kí hiệu  $x \notin A$  ( $x$  không thuộc  $A$ ) có nghĩa: " $x$  không phải là phần tử của tập hợp  $A$ ".
- Hai cách mô tả một tập hợp:
  - Liệt kê các phần tử của tập hợp (mỗi phần tử được kê đúng một lần).
  - Nêu dấu hiệu đặc trưng (để nhận biết) cho các phần tử của tập hợp.

**B KĨ NĂNG GIẢI TOÁN**

- Khi cho một tập hợp, nhận biết tập hợp đã cho và các phần tử của nó.
- Sử dụng các cách nói và viết tập hợp trong biểu đạt Toán học.
- Sử dụng hai cách mô tả tập hợp để viết một tập hợp.

**Ví dụ** Cho  $M$  là tập hợp các số tự nhiên từ 5 đến 9 (kể cả 5 và 9) và tập  $P = \{3; 6; 7,5; 8\}$ .

- Dùng kí hiệu để trả lời: Trong các phần tử của tập  $P$ , số nào cũng là phần tử của tập  $M$ , số nào không là phần tử của tập  $M$ ?
- Mô tả tập  $M$  bằng cách liệt kê các phần tử của nó;
- Mô tả tập  $M$  bằng cách nêu dấu hiệu đặc trưng cho các phần tử của nó.

**Giải**

- $6 \in M$ ;  $8 \in M$ ;  $3 \notin M$ ;  $7,5 \notin M$  (do 7,5 không phải là số tự nhiên).
- $M = \{5; 6; 7; 8; 9\}$ .
- $M = \{x \mid x \text{ là số tự nhiên và } 4 < x < 10\}$ ,  
hoặc  $M = \{x \mid x \text{ là số tự nhiên và } 5 \leq x \leq 9\}$ .

*Chú ý:* Nếu sử dụng kí hiệu  $\mathbb{N}$  (tập hợp tất cả các số tự nhiên) thì ta có thể viết gọn tập hợp  $M$  như sau:  $M = \{x \in \mathbb{N} \mid 4 < x < 10\}$ , hoặc  $M = \{x \in \mathbb{N} \mid 5 \leq x \leq 9\}$ .

## BÀI TẬP

- 1.1. Gọi  $S$  là tập hợp các số tự nhiên có hai chữ số. Trong các số 7; 15; 106; 99, số nào thuộc và số nào không thuộc tập  $S$ ? Dùng kí hiệu để trả lời.
- 1.2. Cho hai tập hợp  $A = \{a; b; c\}$  và  $B = \{x; y\}$ . Trong các phần tử  $a, d, t, y$ , phần tử nào thuộc tập  $A$ , phần tử nào thuộc tập  $B$ ? Phần tử nào không thuộc tập  $A$ , phần tử nào không thuộc tập  $B$ ? Dùng kí hiệu để trả lời.
- 1.3. Bằng cách liệt kê các phần tử, hãy viết tập hợp  $C$  các chữ cái tiếng Việt trong từ "THĂNG LONG".
- 1.4. Một năm có bốn quý. Đặt tên và viết tập hợp các tháng (dương lịch) của quý Hai trong năm. Tập hợp này có bao nhiêu phần tử?
- 1.5. Cho tập hợp  $M = \{n \mid n \text{ là số tự nhiên nhỏ hơn } 20 \text{ và } n \text{ chia hết cho } 5\}$ . Viết tập hợp  $M$  bằng cách liệt kê các phần tử của nó.
- 1.6. Cho tập hợp  $P = \left\{1; \frac{1}{2}; \frac{1}{3}; \frac{1}{4}; \frac{1}{5}\right\}$ . Hãy mô tả tập hợp  $P$  bằng cách nêu dấu hiệu đặc trưng của các phần tử của nó.
- 1.7. Cho tập hợp  $L = \{n \mid n = 2k + 1 \text{ với } k \in \mathbb{N}\}$ .
  - a) Nêu bốn số tự nhiên thuộc tập  $L$  và hai số tự nhiên không thuộc tập  $L$ ;
  - b) Hãy mô tả tập  $L$  bằng cách nêu dấu hiệu đặc trưng theo một cách khác.